TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS-ST.
Ngày: 29 - 9 - 2022.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhẫn.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lâm Ngọc Hà.
Ông Lê Văn Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2022/TLST-DS, ngày 20 tháng 6 năm 2022 về "*Tranh chấphợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2022/QĐST-DS, ngày 08/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2022/QĐST-DS ngày 22/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T- Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: 169, phố L, phường H, Quận H, Thành phố HN.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hải A - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C, tỉnh S.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh S. Theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS, ngày 19/9/2019.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Bà Trần Thị H- Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C, tỉnh S.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh S (có mặt) Theo Quyết định ủy quyền số 80/UQ-NHCS, ngày 07/7/2021.

- *Bị đơn:* Ông Lương Thành H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị H, (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/5/2022 của nguyên đơn Ngân hàng chính sách Xã hội Việt Nam, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hải A: Bà Trần Thị H trình bày:

Vào ngày 14/3/2019, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách Xã hội huyện C, tỉnh S có cho ông Lương Thành H vay 50.000.000 đồng, mục đích sử dụng chăn nuôi bò, lãi suất 7,92%/tháng, lãi quá hạn 10,296%/tháng, thời hạn vay 50 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 14/5/2023, số dư nợ đến ngày 25/4/2022 là 36.200.000 đồng. Theo thỏa thuận 12 tháng trả tiền gốc 1 lần, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 14; tuy nhiên, ông Lương Thành H không thực hiện đúng theo hợp đồng, đến ngày 25/4/2022 ông H còn nợ phân kỳ số tiền 16.200.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 25/4/2022 là 3.985.942 đồng.

Nay, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu ông Lương Thành H và bà Lâm Thị H trả số tiền gốc và lãi tổng cộng là 40.185.942. đồng. Trong đó: Nợ gốc 36.200.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 25/4/2022 là 3.985.942 đồng.

Đối với bị đơn ông Lương Thành H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị H:

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn,người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quanhợp lệ, nhưng đến nay người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tống đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tung dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn vàngười có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện, cụ thể yêu cầu ông Lương Thành H và bà Lâm Thị H trả tiền vốn vay và tính lãi từ ngày 25/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/9/2022. Xét thấy, việc thay đổi nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Xét thấy, theo lời trình bày của nguyên đơn là: Vào ngày 14/3/2019 phòng giao dịch Ngân hàng chính sách Xã hội huyện C, tỉnh S có cho ông Lương Thành H vay 50.000.000 đồng, mục đích sử dụng chăn nuôi bò, lãi suất 7,92%/tháng, lãi quá hạn 10,296%/tháng, thời hạn vay 50 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 14/5/2023, số dư nợ đến ngày 25/4/2022 là 36.200.000 đồng. Theo thỏa thuận 12 tháng trả tiền gốc 1 lần, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 14; tuy nhiên, ông Lương Thành H không thực hiện đúng theo hợp đồng, đến ngày 25/4/2022 ông H còn nợ phân kỳ số tiền 16.200.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 25/4/2022 là 3.985.942 đồng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ gồm: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay; sổ vay vốn được thể hiện số tiền bị đơn có vay tổng cộng số tiền là 50.000.000 đồng và bảng chiết tính nợ vay và lãi và yêu cầu ông Lương Thành H và bà Lâm Thị H phải trả cho Ngân hàng tiền vốn gốc là 36.200.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2022 là 5.187.743 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là: 41.387.473 đồng.

[3] Từ những nhận định trên, nên lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại Khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: *"Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"* và tại Mục 2 của Sổ vay vốn thì bà Hcó quan hệ là vợ và là người thừa kế nghĩa vụ trả nợ của ông H. Hội đồng xét xử thấy, tại thời điểm ông H được giải ngân tiền vay thì ông H và bà H có quan hệ là vợ chồng, mục đích ông H vay tiền để chăn nuôi bò, nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu và phát phát triển kinh tế gia đình, bà H còn là người thừa kế nghĩa vụ trả nợ của ông H. Do đó, bà H phải có nghĩa vụ cùng ông H trả số tiền vay còn nợ Ngân hàng là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn vay thuộc đối tượng vay chương trình là hộ nghèo, nên ông H và bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tung dân.
- Điều 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Lương Thành H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Thị H trả cho nguyên đơn Ngân hàng chính sách Xã hội Việt Nam số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/9/2022 là: 41.387.473 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 36.200.000 đồng.

- Lãi: 5.187.743 đồng

Tổng cộng vốn và lãi là: 41.387.473 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn phải trả lãi cho nguyên đơn mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặcbị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dânsự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhẫn